TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/DS-PT
Ngày 15 tháng 02 năm 2019
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Của

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Trần Thị Phượng Tường – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre***:* Bà Võ Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 80/2018/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27A/QĐXXPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1967

ĐKTT: 903/27/10, đường T, phường T, quận X, Thành phố H

Tạm trú: ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre

(Văn bản ủy quyền ngày 21/6/2018)

2. Bị đơn:

Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre

3. Người kháng cáo: anh Nguyễn Hoàng A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Vào ngày 05/01/2017 anh Nguyễn Hoàng A hỏi vay bà Th số tiền là 200.000.000 đồng có thế chấp quyền sử dụng đất số BQ 837315 do anh Hoàng A đứng tên, đến ngày 16/01/2017 anh Hoàng A vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng, ngày 07/02/2017 vay tiếp 50.000.000 đồng. Tổng cộng 03 lần anh Hoàng A vay của bà Th là 300.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là hơn 3%/tháng (mỗi tháng trả 11.000.000 đồng tiền lãi). Hai bên không xác định thời hạn trả nợ gốc, chỉ thỏa thuận khi nào bà Th cần tiền thì báo trước cho anh Hoàng A biết. Anh Hoàng A có trả tiền lãi từ tháng 02/2017 cho đến tháng 9/2017 là 08 tháng với số tiền lãi là 85.500.000 đồng. Từ tháng 10/2017 cho đến nay anh Hoàng A không trả tiền lãi và cũng không trả lại tiền vốn gốc cho bà Th. Do đó, đến ngày 30/3/2018 bà Th khởi kiện yêu cầu anh Hoàng A trả số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn chưa trả từ tháng 10/2017 đến tháng 3/2018 là 18.000.000 đồng (lãi suất 01%/tháng), đồng thời yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền 300.000.000 đồng từ tháng 3/2018 đến ngày Tòa án xét xử theo mức lãi suất mà pháp luật quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Th rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau: đồng ý tính lại số tiền lãi mà anh Hoàng A đã trả cho bà Th theo mức lãi suất là 01%/tháng, phần tiền lãi đã trả dư sẽ khấu trừ vào nợ gốc 300.000.000 đồng. Đồng thời, bà Th yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền nợ gốc còn lại sau khi đã khấu trừ tiền lãi vào nợ gốc, tính từ tháng 10/2017 đến ngày Tòa án xét xử theo mức lãi suất là 01%/tháng. Bà Th chỉ khởi kiện đối với anh Hoàng A, không yêu cầu vợ của anh Hoàng A liên đới trả số tiền này.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Hoàng A trình bày:

Vào ngày 05/01/2017 anh có cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 837315 do anh đứng tên cho bà Nguyễn Thị Th để vay số tiền là 200.000.000 đồng. Đến ngày 16/01/2017, anh vay tiếp của bà Th số tiền 50.000.000 đồng, ngày 07/02/2017 anh vay tiếp của bà Th số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng 03 lần anh vay của bà Th số tiền là 300.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là hơn 3%/tháng, mỗi tháng anh phải trả tiền lãi cho bà Th là 11.000.000 đồng tính từ tháng

02/2017 (đối với số tiền 300.000.000 đồng). Anh đã trả tiền lãi cho bà Th từ tháng 02/2017 đến tháng 9/2017 là 08 tháng số tiền 85.500.000 đồng, thực tế số tiền lãi phải trả 08 tháng là 88.000.000 đồng nhưng tháng 9/2017 anh không đủ tiền nên còn nợ lại là 2.500.000 đồng. Khi anh cầm quyền sử dụng đất cho bà Th thì bà Th nói với anh là cầm bao lâu cũng được miễn là trả tiền lãi hàng tháng đầy đủ cho bà Th là được. Thực tế hàng tháng anh vẫn trả tiền lãi cho bà Th đầy đủ nhưng đến tháng 10/2017 do những người hụi viên nợ tiền của anh không trả nên anh không có tiền để trả tiền lãi hàng tháng cho bà Th và đã ngừng trả tiền lãi cho bà Th từ tháng 10/2017 cho đến nay. Như vậy, anh không có vi phạm về việc trả tiền cho bà Th, nợ gốc 300.000.000 đồng anh vẫn đồng ý trả cho bà Th nhưng xin được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, đồng thời anh yêu cầu Tòa án xem xét tính lại số tiền lãi mà anh đã trả cho bà Th vượt quá mức quy định của pháp luật. Cụ thể, anh trả cho bà Th 08 tháng tiền lãi với số tiền là 85.500.000 đồng, số tiền lãi này sẽ được trừ vào số tiền lãi mà anh còn nợ bà Th từ tháng 10/2017 cho đến khi Tòa án xét xử với mức lãi suất là 01%/tháng, anh sẽ tiếp tục trả tiền lãi hàng tháng cho bà Th với mức lãi suất là 01%/tháng cùng với việc trả dần vốn gốc 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ. Nay anh không có khả năng về kinh tế để trả 300.000.000 đồng một lần cho bà Th, cũng không đồng ý việc bà Th lấy nhà và đất của anh để trừ nợ vì gia đình anh đang gặp khó khăn về kinh tế.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện M đưa vụ án ra xét xử, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th. Buộc anh Nguyễn Hoàng A phải trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền vay vốn là 238.500.000 đồng, tiền lãi là 28.620.000 đồng, tổng cộng là 267.120.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Do không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 31/10/2018, anh Nguyễn Hoàng A kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét 04 nội dung. Cụ thể:

1. Anh Hoàng A không đồng ý trả cho bà Th một lần số tiền nợ gốc 267.120.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng và trả lãi suất là 01%/tháng. Anh trả tiền gốc đến đâu thì khấu trừ tiền lãi suất đến đó.

2. Yêu cầu cấp phúc thẩm tính lãi suất 01% từ ngày 07/9/2017 đến ngày Tòa tuyên án phúc thẩm là bao nhiêu sẽ khấu trừ vào số tiền trả lãi dư mà bà Th đang giữ của anh là 61.500.000 đồng, nếu thiếu anh sẽ trả tiếp cho bà Th, nếu dư anh xin gửi trả tiền lãi vào những tháng tiếp theo đến khi nào hết phần dư đó anh sẽ trả tiền lãi cho bà Th tiếp với lãi suất 01%.

3. Yêu cầu xem xét miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

4. Yêu cầu phía bà Th và đại diện của bà Th là ông Ng phải có bản cam kết với anh sau khi anh hoàn trả đủ số tiền 300.000.000 đồng thì bà Th phải trả lại quyền sử dụng đất cho anh, không để thất lạc hay chấp vá, sửa đổi.

Tại phiên Tòa phúc thẩm anh Nguyễn Hoàng A giữ nguyên nội dung kháng cáo và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của anh Hoàng A, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Quan điểm của kiểm sát viên: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm số 80/2018/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận. Xét kháng cáo của anh Nguyễn Hoàng A Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Từ tháng 01/2017 đến tháng 02/2017, anh Nguyễn Hoàng A có vay của bà Nguyễn Thị Th số tiền 300.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay là hơn 03%/tháng (trả lãi 11.000.000 đồng/tháng), bắt đầu trả lãi từ tháng 02/2017 và khi nào bà Th cần tiền sẽ thông báo trước để anh Hoàng A trả vốn gốc. Khi vay, anh Hoàng A có giao cho bà Th một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 837315 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho anh Nguyễn Hoàng A ngày 15/01/2014 để làm tin. Anh Hoàng A trả tiền lãi cho bà Th từ tháng 02/2017 đến tháng 09/2017 với số tiền 85.500.000 đồng, sau đó không tiếp tục trả tiền lãi và chưa trả lại cho bà Th số tiền đã vay.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét yêu cầu tính lại lãi suất đã trả của anh Hoàng A theo quy định pháp luật, theo đó số tiền lãi anh Hoàng A đã trả lãi dư là 61.500.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khấu trừ phần tiền lãi đã trả dư vào nợ gốc và tính lãi phần nợ còn lại từ thời gian tháng 10/2017 đến khi xét xử sơ thẩm của

bà Th, tổng cộng số tiền anh Hoàng A phải trả cho bà Th là 267.120.000 đồng (nợ gốc còn lại 238.500.000 đồng + tiền lãi 28.620.000 đồng). Theo đơn kháng cáo, anh Hoàng A cho rằng anh đã trả dư tiền lãi cho bà Th nên anh không vi phạm hợp đồng với bà Th là không phù hợp. Bởi lẽ, việc Tòa án cấp sơ thẩm tính lại lãi suất là do các bên thỏa thuận lãi suất vượt quá quy định pháp luật, còn việc anh Hoàng A không trả lãi đúng hạn là vi phạm theo hợp đồng đã thỏa thuận giữa anh Hoàng A và bà Th. Vì vậy, trước yêu cầu khởi kiện của bà Th thì anh Hoàng A có nghĩa vụ trả số tiền trên là có căn cứ.

Xét thấy, đề nghị xin trả dần 10.000.000 đồng/tháng và tính lãi theo nợ gốc giảm dần với lãi suất 01%/tháng không được bà Th đồng ý và do anh Hoàng A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên buộc anh Hoàng A phải có nghĩa vụ hoàn trả đủ số tiền còn lại cho bà Th là phù hợp.

[2] Việc anh Hoàng A yêu cầu cấp phúc thẩm tính lãi suất 01% từ ngày 07/9/2017 đến ngày Tòa tuyên án phúc thẩm và khấu trừ vào số tiền trả lãi dư mà bà Th đang giữ của anh là 61.500.000 đồng là để anh trả dần tiền vốn mỗi tháng cho bà Th 10.000.000 đồng. Như đã nhận định việc anh Hoàng A yêu cầu trả dần vốn trong khi anh đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi theo thỏa thuận là không phù hợp. Do yêu cầu của anh Hoàng A không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Theo đơn kháng cáo anh Hoàng A trình bày hoàn cảnh khó khăn nhưng tại phiên Tòa anh không cung cấp được tài liệu, chứng minh. Đồng thời, anh Hoàng A không thuộc đối tượng được xem xét miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên yêu cầu miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu cấp phúc thẩm "yêu cầu phía bà Th và đại diện của bà Th là ông Ng phải có bản cam kết với anh sau khi anh hoàn trả đủ số tiền 300.000.000 đồng thì bà Th phải trả lại quyền sử dụng đất cho anh, không để thất lạc hay chấp vá, sửa đổi", Hội đồng xét xử xét thấy: mặc dù yêu cầu này chưa được xem xét, giải quyết ở giai đoạn sơ thẩm và việc cầm cố quyền sử dụng đất giữa anh Hoàng A và bà Th không đúng quy định pháp luật nhưng việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Hoàng A trả tiền đã vay nhưng không xem xét buộc bà Th trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh Hoàng A đã đem đi cầm cố là giải quyết vụ án chưa toàn diện. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng A, buộc bà Th trả lại cho anh Hoàng A giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 837315 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho anh Nguyễn Hoàng A ngày 15/01/2014.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Hoàng A, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm.

[6] Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên anh Hoàng A không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho anh Hoàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Hoàng A.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 80/2018/DS-ST ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện M.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th.

Buộc anh Nguyễn Hoàng A phải trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền vay vốn là 238.500.000 đồng, tiền lãi là 28.620.000 đồng, tổng cộng là 267.120.000 (Hai trăm sáu mươi bảy triệu một trăm hai mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong cho tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bà Nguyễn Thị Th trả lại cho anh Nguyễn Hoàng A giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 837315 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho anh Nguyễn Hoàng A ngày 15/01/2014.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: là 13.356.000 (Mười ba triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn) đồng buộc anh Nguyễn Hoàng A phải chịu trách nhiệm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.950.000 (Bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0009222 ngày 02/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Hoàng A không phải nộp. Hoàn trả cho anh Nguyễn Hoàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0009682 ngày 08/11/2018 của của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Kim Của